



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 14 tháng 5 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Nguyễn Xuân Bình
Ông Phạm Xuân Trình
Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 22/4/2026)
Thành viên (đến ngày 22/4/2026)
Thành viên (đến ngày 22/4/2026)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Nguyễn Xuân Bình
Ông Phạm Ngọc Kỳ
Bà Bùi Minh Hạnh
Bà Trần Thị Thùy Linh
Bà Trần Thu Huyền
Ông Phạm Ngọc Kỳ
Ông Vũ Ngọc Tú

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2026)
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)
Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)
Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/3/2026)
Giám đốc Vận hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Ông Đoàn Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Huê
Bà Phạm Thị Vân Hà

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 22/4/2026)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu, Phường Nam Định
Tỉnh Ninh Bình
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Ninh Bình, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ("Tổng Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00240-26-1



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-08-2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		376.441.003.370	397.510.162.577
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	9.920.464.351	16.760.873.943
Tiền	111		9.920.464.351	16.760.873.943
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.303.463.837	21.457.766.569
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	10(a)	9.303.463.837	21.457.766.569
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.616.075.680	186.834.795.761
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	194.107.670.026	185.031.510.220
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.068.353.957	3.782.435.604
Phải thu ngắn hạn khác	135	12(a)	6.137.494.677	4.758.688.199
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	13	(6.697.442.980)	(6.737.838.262)
Hàng tồn kho	140	14	154.165.030.990	168.965.387.831
Hàng tồn kho	141		154.350.126.215	169.150.483.056
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(185.095.225)	(185.095.225)
Tài sản ngắn hạn khác	160		2.435.968.512	3.491.338.473
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	19(a)	2.373.701.232	3.090.092.138
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	338.979.055
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	21	62.267.280	62.267.280

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		473.424.095.564	494.371.643.910
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.786.621.857	3.943.441.949
Phải thu dài hạn khác	215	12(b)	6.986.621.857	7.143.441.949
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	13	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		366.054.367.998	387.425.462.856
Tài sản cố định hữu hình	221	15	352.084.371.779	372.680.461.204
<i>Nguyên giá</i>	222		958.620.214.930	954.918.896.082
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(606.535.843.151)	(582.238.434.878)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	13.278.978.907	14.011.107.145
<i>Nguyên giá</i>	225		19.785.906.253	19.785.906.253
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.506.927.346)	(5.774.799.108)
Tài sản cố định vô hình	227		691.017.312	733.894.507
<i>Nguyên giá</i>	228		1.517.544.000	1.517.544.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(826.526.688)	(783.649.493)
Bất động sản đầu tư	240	17	3.469.073.429	3.643.397.561
<i>Nguyên giá</i>	241		12.378.939.809	12.378.939.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(8.909.866.380)	(8.735.542.248)
Tài sản dở dang dài hạn	250		18.702.350.035	19.549.900.011
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	18	18.702.350.035	19.549.900.011
Đầu tư tài chính dài hạn	260		66.711.031.520	66.711.031.520
Đầu tư vào công ty con	261	10(b)	21.508.979.633	21.508.979.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	262	10(b)	43.806.170.000	43.806.170.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	10(b)	1.395.881.887	1.395.881.887
Tài sản dài hạn khác	270		14.700.650.725	13.098.410.013
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	19(b)	14.700.650.725	13.098.410.013
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		849.865.098.934	891.881.806.487

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		786.578.549.849	842.268.441.840
Nợ ngắn hạn	310		579.612.174.750	620.050.978.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	224.085.459.799	182.629.210.992
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.104.320.114	885.381.098
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.476.005.250	1.477.905.250
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	21	3.091.006.600	77.168.484
Phải trả người lao động	315		12.696.711.137	5.589.417.309
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	22	3.671.354.910	5.232.703.421
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		574.189.998	822.597.200
Phải trả ngắn hạn khác	320	23	3.392.995.871	1.687.187.698
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	24(a)	327.517.317.071	421.647.997.183
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.814.000	1.410.000
Nợ dài hạn	330		206.966.375.099	222.217.463.205
Phải trả dài hạn khác	338		119.423.822	119.423.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	24(b)	206.846.951.277	222.098.039.383
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25	63.286.549.085	49.613.364.647
Vốn cổ phần	411	26	156.399.760.000	156.399.760.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	92.139.112.037	92.139.112.037
Lỗ lũy kế	420		(185.252.322.952)	(198.925.507.390)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	420a		(198.925.507.390)	(199.171.734.559)
- <i>LNST kỳ này/năm nay</i>	420b		13.673.184.438	246.227.169
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		849.865.098.934	891.881.806.487

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Tình
Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng

(Chữ ký)
Đinh Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



(Chữ ký)
Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

2026

Người đại diện

**CỔ PHẦN
DỆT MAY
NAM ĐỊNH**

M.S.D.N : 0600019436 - C.T.C.P.
P. NAM ĐỊNH - T. NINH BÌNH

Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

8

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	13.673.184.438	(15.564.349.771)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	25.329.049.829	26.267.136.167
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	(40.395.282)	(7.601.422.499)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	04	(226.210.530)	8.232.225.235
Chi phí đi vay	05	(312.940.436)	(1.929.326.141)
	06	18.583.162.920	21.944.436.753
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	57.005.850.939	31.348.699.744
Tăng các khoản phải thu	09	(14.531.751.065)	(19.214.186.406)
Giảm, (tăng) hàng tồn kho	10	14.800.356.841	(58.229.726.634)
Tăng các khoản phải trả	11	51.492.698.475	113.414.760.135
Tăng chi phí chờ phân bổ	12	(885.849.806)	(1.940.741.535)
		107.881.305.384	65.378.805.304
Chi phí đi vay đã trả	14	(17.087.616.058)	(18.941.425.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.793.689.326	46.437.379.448

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2026	30/6/2025	
		VND	VND	
Mã số	Thuyết minh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.338.344.601)	(3.006.201.458)	
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	20.578.009	-	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.533.000.000)	-	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.635.728.457	-	
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.647.528.586	6.877.109.093	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.432.490.451	3.870.907.635	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	432.199.917.941	461.807.362.097	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(539.406.811.929)	(527.751.302.498)	
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.843.660.521)	(1.841.319.012)	
Cổ tức đã trả	36	(1.900.000)	(5.650.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(109.052.454.509)	(67.790.909.413)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(6.826.274.732)	(17.482.622.330)	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	9	16.760.873.943	24.147.782.192
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(14.134.860)	1.270.556	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	9.920.464.351	6.666.430.418

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Minh

Nguyễn Thị Tình

Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng

[Signature]

Đinh Thị Thu Hường

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

[Signature]

Vũ Ngọc Tuấn

Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán xơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 4 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2026: 4 công ty con và 3 công ty liên kết), được liệt kê tại Thuyết minh 10(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 571 nhân viên (1/1/2026: 576 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 203.171 triệu VND (1/1/2026: 222.541 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 24(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này chủ yếu phụ thuộc vào việc Công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tổng Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh số 4(l)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi do áp dụng Thông tư 99 được trình bày tại Thuyết minh 3, các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại như đã nêu tại Thuyết minh 39.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng bị mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 3 – 63 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 30 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 – 15 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác chủ yếu bao gồm các chi phí thuê và sửa chữa cải tạo tài sản. Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(l) Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận tại thời điểm Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông và nghĩa vụ chi trả của Tổng Công ty trở nên vô điều kiện.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty, công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của Công ty mẹ.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ/năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

7. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

9. Tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	383.270.735	1.126.558.377
Tiền gửi ngân hàng (*)	9.537.193.616	15.634.315.566
	9.920.464.351	16.760.873.943

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.756.488.809	7.635.641.348
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.152.030.532	48.681.893
Ngân hàng TMCP Quân đội	757.290.282	3.364.623.102
Các ngân hàng khác	871.383.993	4.585.369.223
	9.537.193.616	15.634.315.566

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND (Phân loại lại)	Giá trị có thể thu hồi VND (Phân loại lại) Dự phòng VND (Phân loại lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	8.453.463.837	8.453.463.837	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.340.187.946	4.340.187.946	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.113.275.891	4.113.275.891	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	-
▪ Phải thu về cho vay	850.000.000	850.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	850.000.000	850.000.000	-	-
	9.303.463.837	9.303.463.837	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,2% đến 5,1% (1/1/2026: từ 4,2% đến 5,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

30/6/2026.														1/1/2026			

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan				
<i>Công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	6.318.638.226	-	4.566.603.915	-
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	123.845.184	-	-	-
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	17.069.591.035	-	17.708.944.949	-
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	48.637.770.728	-	59.052.351.403	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	121.876.175	-	110.402.711	-
Các bên khác				
Công ty TNHH Samil Vina	18.083.530.718	-	7.737.968.880	-
Xiamen C&D Merchandise Co., Ltd.	10.603.814.458	-	-	-
Công ty TNHH Dệt May Huy Gia Bảo	10.396.737.979	-	17.497.188.099	-
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	9.740.898.296	-	657.464.339	-
Công ty TNHH Dệt Mỹ Hoa	9.231.668.186	-	1.050.391.184	-
Các khách hàng khác	63.779.299.041	(6.697.442.980)	76.650.194.740	(6.737.838.262)
	194.107.670.026	(6.697.442.980)	185.031.510.220	(6.737.838.262)

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm trả với lãi suất là 9,05%/năm (1/1/2026: 7,91%/năm) khi quá hạn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

12. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
			Phân loại lại	Phân loại lại
Cổ tức phải thu các công ty con và công ty liên kết	2.004.636.125	-	3.287.650.000	-
Phải thu về tiền cho thuê đất	2.589.458.095	-	1.318.131.199	-
Ký cược, ký quỹ	152.907.000	-	152.907.000	-
Tạm ứng	768.000.000	-	-	-
Phải thu khác	622.493.457	-	-	-
	6.137.494.677	-	4.758.688.199	-

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	69.120.000	17.280.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	986.483.002	800.000.000
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	1.169.103.999	1.890.458.299
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	349.303.474	300.599.488
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	-	283.620.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	2.088.026.325	1.103.280.000
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	1.177.420	103.382.546
	4.663.214.220	4.498.620.333

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	-	3.278.379.000	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	(3.200.000.000)	3.200.000.000	(3.200.000.000)
Phải thu dài hạn khác	508.242.857	-	665.062.949	-
	6.986.621.857	(3.200.000.000)	7.143.441.949	(3.200.000.000)

- (*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2026				1/1/2026			
	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 7 năm	4.914.999.999	(4.914.999.999)	-	Trên 6 năm	4.914.999.999	(4.914.999.999)	-
Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam	Trên 8 năm Từ 2 - 3 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	Trên 7 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	82.706.360	(57.894.452)	24.811.908	Từ 2 - 3 năm	82.706.360	(57.894.452)	24.811.908
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	1.724.548.529	(1.724.548.529)	-	Trên 3 năm	1.764.943.811	(1.764.943.811)	-
		9.922.254.888	(9.897.442.980)	24.811.908		9.962.650.170	(9.937.838.262)	24.811.908
Trong đó:								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.697.442.980)				(6.737.838.262)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(3.200.000.000)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.985.414.333	-	-	-
Nguyên vật liệu	77.929.971.466	-	75.940.660.347	-
Công cụ và dụng cụ	14.144.945	-	27.212.281	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.435.313.237	-	6.830.988.231	-
Sản phẩm	38.704.755.372	(185.095.225)	66.703.354.780	(185.095.225)
Hàng hóa	4.280.526.862	-	13.742.190.233	-
Hàng gửi bán	-	-	5.906.077.184	-
	154.350.126.215	(185.095.225)	169.150.483.056	(185.095.225)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	299.396.435.081	615.158.291.409	37.803.624.028	2.560.545.564	954.918.896.082
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.704.208.848	100.000.000	-	-	3.804.208.848
Thanh lý	-	(102.890.000)	-	-	(102.890.000)
Số dư cuối kỳ	303.100.643.929	615.155.401.409	37.803.624.028	2.560.545.564	958.620.214.930
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	148.567.586.661	398.814.874.616	32.520.166.005	2.335.807.596	582.238.434.878
Khấu hao trong kỳ	5.616.767.056	17.073.740.183	1.591.250.250	97.962.775	24.379.720.264
Thanh lý	-	(82.311.991)	-	-	(82.311.991)
Số dư cuối kỳ	154.184.353.717	415.806.302.808	34.111.416.255	2.433.770.371	606.535.843.151
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	150.828.848.420	216.343.416.793	5.283.458.023	224.737.968	372.680.461.204
Số dư cuối kỳ	148.916.290.212	199.349.098.601	3.692.207.773	126.775.193	352.084.371.779

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 193.599 triệu VND (1/1/2026: 178.205 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 150.978 triệu VND (1/1/2026: 343.453 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	19.785.906.253
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	5.774.799.108
Khấu hao trong kỳ	732.128.238
Số dư cuối kỳ	6.506.927.346
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	14.011.107.145
Số dư cuối kỳ	13.278.978.907

Các tài sản cố định hữu hình thuê tài chính chủ yếu đang được sử dụng:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Máy con Lakshmi	11.371.436.851	11.371.436.851
Máy thí nghiệm Uster AFIS PRO 2	4.728.603.704	4.728.603.704
	16.100.040.555	16.100.040.555

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.735.542.248
Khấu hao trong kỳ	174.324.132
Số dư cuối kỳ	8.909.866.380
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.643.397.561
Số dư cuối kỳ	3.469.073.429

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43, Phố Tô Hiệu, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	19.549.900.011	18.166.093.664
Tăng trong kỳ	4.413.146.206	2.640.471.218
Chuyển từ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	734.955.742
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	(116.459.884)	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	(1.340.027.451)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.804.208.848)	(325.000.000)
Số dư cuối kỳ	18.702.350.035	21.216.520.624

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	492.748.335	1.340.298.311
Các công trình khác	356.000.000	356.000.000
	18.702.350.035	19.549.900.011

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Vũ Dương, Tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	1.482.347.157	1.825.458.739
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	891.354.075	1.264.633.399
	2.373.701.232	3.090.092.138

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ
	VND
Số dư đầu kỳ	13.098.410.013
Tăng trong kỳ	4.503.098.100
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.340.027.451
Phân bổ trong kỳ	(4.240.884.839)
Số dư cuối kỳ	14.700.650.725

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	186.846.708.038	138.509.283.107
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	2.210.971.249	3.812.808.228
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	83.315.174	-
<i>Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Công ty Cổ phần May 1 - Dệt Nam Định	181.116.000	-
Các bên khác		
Công ty TNHH Hóa phẩm Thịnh Phát	9.025.444.400	7.800.210.400
Các nhà cung cấp khác	25.737.904.938	32.506.909.257
	224.085.459.799	182.629.210.992

Các khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2026		30/6/2026			
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	27.469.761	20.238.405.595	(17.284.852.902)	-	2.981.022.454
Thuế nhập khẩu	-	-	122.074.228	(122.074.228)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.267.280	-	-	-	62.267.280	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.148.901	155.011.206	(163.548.404)	-	27.611.703
Thuế tài nguyên	-	13.549.822	68.673.990	(69.241.570)	-	12.982.242
Tiền thuê đất	-	-	6.110.513.627	(6.110.513.627)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	76.105.335	(6.715.134)	-	69.390.201
	62.267.280	77.168.484	26.770.783.981	(23.756.945.865)	62.267.280	3.091.006.600

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí điện, nước phải trả	2.117.745.155	2.636.301.592
Chi phí lãi vay	1.334.397.076	1.646.355.266
Chi phí khác	219.212.679	950.046.563
	3.671.354.910	5.232.703.421

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	190.411.240	333.599.733
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.378.703.553	967.323.501
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	823.881.078	386.264.464
	3.392.995.871	1.687.187.698

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

24. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/6/2026	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	384.203.768.519	433.188.917.941	(498.264.757.281)	126.246.020	319.254.175.199	
Vay dài hạn đến hạn trả	33.926.727.628	13.175.260.738	(42.131.054.648)	(17.149.599)	4.953.784.119	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	3.517.501.036	1.635.633.749	(1.843.660.521)	(116.511)	3.309.357.753	
	421.647.997.183	447.999.812.428	(542.239.472.450)	108.979.910	327.517.317.071	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các bên liên quan				
Vay thành viên				
Ban Giám đốc	VND	-	-	1.350.000.000
Vay bên liên quan khác	VND	7,20 – 8,40%	3.460.000.000	8.118.700.000
Các bên khác				
Vay ngân hàng 1	VND	6,65 – 9,05%	40.566.546.236	107.131.051.990
Vay ngân hàng 2	USD	4,45 – 4,85%	120.575.327.202	59.676.270.679
Vay ngân hàng 3	VND	7,30 – 7,08%	64.397.685.056	69.016.503.716
Vay ngân hàng 4	VND	7,00 – 8,50%	52.821.132.705	54.871.849.553
Vay ngân hàng 5	VND	7,70 – 8,50%	16.780.000.000	6.750.000.000
Vay ngân hàng 6	VND	-	-	49.992.508.581
Vay nhân viên	VND	7,20 – 14,04%	20.653.484.000	27.296.884.000
			319.254.175.199	384.203.768.519

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 55.164 triệu VND (1/1/2026: 73.496 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn (i)	209.106.244.436	251.692.495.186
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.003.848.713	7.849.772.861
	215.110.093.149	259.542.268.047
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.263.141.872)	(37.444.228.664)
	206.846.951.277	222.098.039.383

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,0%	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	SOFR + 0,7%	2036	132.106.855.828	134.873.576.086
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định (*)	VND	8,50%	2030	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay bên liên quan khác (*)	VND	9,60%	2027	3.000.000.000	3.000.000.000
Các bên khác					
Vay từ ngân hàng 7	USD	10,10%	2027	-	30.140.505.441
Vay từ ngân hàng 8	VND	8,0% – 9,40%	2027	-	9.679.025.051
				209.106.244.436	251.692.495.186

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Khoản vay này, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 95.814 triệu VND (1/1/2026: 102.351 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(ii) Nợ thuế tài chính dài hạn

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính trong năm VND	Tiền lãi thuế trong năm VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính trong năm VND	Tiền lãi thuế trong năm VND
		Nợ gốc VND		Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	3.679.375.375	370.017.622	3.309.357.753	473.631.746
Trong vòng hai đến năm năm	2.813.667.188	119.176.228	2.694.490.960	299.750.690
	6.493.042.563	489.193.850	6.003.848.713	773.382.436
				7.849.772.861



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	156.399.760.000	92.139.112.037	(199.171.734.559)	49.367.137.478
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(15.564.349.771)	(15.564.349.771)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	156.399.760.000	92.139.112.037	(214.736.084.330)	33.802.787.707
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	156.399.760.000	92.139.112.037	(198.925.507.390)	49.613.364.647
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	13.673.184.438	13.673.184.438
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	156.399.760.000	92.139.112.037	(185.252.322.952)	63.286.549.085

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	8.394.655	83.946.550.000	53,67
Các cổ đông khác	7.245.321	72.453.210.000	46,33
	15.639.976	156.399.760.000	100

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	42.274.851.667	43.250.425.167
	52.030.586.667	53.006.160.167

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời gian thuê	30/6/2026	1/1/2026
		VND	VND
Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Hòa Xá	47 năm	52.030.586.667	53.006.160.167

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	241.468	6.346.972.931	6.448	168.211.114
EUR	450	13.476.610	450	13.476.610
		6.360.449.541		181.687.724

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Kaisui - Dệt May	Dừng hoạt động	2024	38.141.390	38.141.390
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	39.376.277	39.376.277
Công ty TNHH Thương mại Đức Bồn	Dừng hoạt động	2024	82.768.508	82.768.508
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	2.883.059.365	2.883.059.365
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	135.535.654	135.535.654
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai	Dừng hoạt động	2026	30.395.282	-
			3.209.276.476	3.178.881.194

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Bán hàng	516.470.949.193	466.372.264.892
Cung cấp dịch vụ	15.785.244.260	15.871.605.737
Cung cấp dịch vụ gia công	43.762.668.712	32.542.417.296
Cho thuê bất động sản đầu tư	6.416.395.928	5.737.415.985
		582.435.258.093
		520.523.703.910

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Sản phẩm và hàng hóa đã bán	478.580.311.687	462.651.705.570
Dịch vụ đã cung ứng	13.296.494.445	9.118.140.355
Dịch vụ gia công đã cung ứng	41.695.351.253	29.115.888.921
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.406.924.491	1.347.065.767
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.601.422.499)
	534.979.081.876	494.631.378.114

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	261.389.777	475.292.141
Lãi do người mua chậm trả	1.671.504.704	1.552.002.166
Cổ tức được chia	55.000.000	1.454.034.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.769.901.311	6.175.808.943
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	226.210.530	-
	4.984.006.322	9.657.137.250

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.583.162.920	21.944.436.753
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.210.947.063	3.521.224.168
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	8.232.225.235
	19.794.109.983	33.697.886.156

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	158.822.876	635.007.634
Chi phí vận chuyển	2.998.483.965	1.878.195.173
Chi phí đại lý bán hàng	2.382.589.012	1.432.513.764
Chi phí bán hàng khác	963.336.651	1.187.733.593
	6.503.232.504	5.133.450.164

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	4.603.360.208	3.152.252.877
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.000.000)	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	848.393.393	804.391.482
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.084.273.693	8.427.175.475
	12.526.027.294	12.383.819.834

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	275.269.893.594	220.662.157.022
Chi phí nhân công	51.453.082.629	36.718.251.277
Chi phí khấu hao và phân bổ	25.329.049.829	26.267.136.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.631.155.829	79.634.971.690
Chi phí khác	16.279.292.564	17.143.159.515
	449.962.474.445	380.425.675.671

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	13.673.184.438	(15.564.349.771)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.734.636.888	(3.112.869.954)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.466.179	2.762.097
Thu nhập không bị tính thuế	(11.000.000)	(290.806.800)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	224.914.184	2.482.462.874
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.950.017.251)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	-	918.451.783
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	67.711.207.758	13.542.241.552	66.586.636.838	13.317.327.368
Lỗ tính thuế	90.564.289.426	18.112.857.885	105.314.375.679	21.062.875.136
	158.275.497.184	31.655.099.437	171.901.012.517	34.380.202.504

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	57.659.044.376
2029	Chưa quyết toán	32.905.245.050
		90.564.289.426

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong năm sau VND
2027	4.980.427.481
2029	47.735.248.127
2030	13.870.961.230
2031	1.124.570.920
	67.711.207.758

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay và lỗ tính thuế sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.238.197.423	7.904.261.546
Mua hàng hóa và dịch vụ	155.034.690.473	114.399.817.270
Hoàn trả gốc vay và lãi vay	2.296.156.586	-
Lãi và phí khoản vay cho vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.665.352.299	4.188.676.220
Chi phí lãi vay	2.229.706.343	2.256.280.143
Hoàn trả mua hàng hóa và dịch vụ	2.665.518	-
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.411.638	21.628.638
Mua dịch vụ	5.307.079.264	5.086.934.972
Chi phí lãi vay	396.125.000	429.875.000
Cổ tức	-	198.534.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.625.752.896	2.676.597.090
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.590.934.739	21.860.207.746
Mua hàng hóa	3.054.772.376	10.492.743.280
Lãi do người mua chậm trả	190.965.798	81.003.410
Thu nhập khác	7.400.000	12.950.000
Cổ tức	-	337.950.000
Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	32.913.000	504.582.600
Thu nhập lãi trả chậm	745.925.905	549.179.807
Thu nhập lãi vay	42.185.712	7.827.419
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	76.497.758.150	159.053.111.639
Mua hàng hóa	55.990.553.284	126.660.785.364
Lãi do người mua chậm trả	734.613.001	921.818.949
Thu nhập khác	11.470.000	19.240.000
Cổ tức	-	689.550.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	895.708.315	897.752.537
Cổ tức	-	175.500.000
Các bên liên quan khác trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	375.424.392	7.755.612.270
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Mua máy móc, thiết bị	-	510.477.786
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	135.710.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	615.158.961
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Mua tài sản cố định	44.552.173	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	3.081.867.118
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	175.010.220	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	14.125.000
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Mua hàng hóa	16.704.000	-
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	367.627.801	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.781.027	-
Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt		
Công ty Cổ phần May 1 - Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	56.456.000	19.785.024
Mua hàng hóa	167.700.000	132.640.000
Cổ tức	-	52.500.000
Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	828.940.868	686.499.463
Cổ tức	55.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Các cá nhân liên quan		
<i>Bà Bùi Thị Hải</i>		
Nhận tiền vay	60.000.000	-
<i>Ông Vũ Ngọc Tú</i>		
Nhận tiền vay	1.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	1.350.000.000	-
Chi phí lãi vay đã trả	64.578.082	28.563.288
<i>Ông Vũ Mạnh Quân</i>		
Nhận tiền vay	-	1.500.000.000
Hoàn trả khoản vay	5.125.700.000	2.440.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	196.433.452	89.430.928
<i>Bà Trần Thị Đào</i>		
Nhận tiền vay	250.000.000	600.000.000
Hoàn trả khoản vay	750.000.000	660.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	28.218.082	27.103.687
<i>Bà Trần Thị Gái</i>		
Nhận tiền vay	65.000.000	45.000.000
Hoàn trả khoản vay	45.000.000	20.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	2.423.342	1.820.770
<i>Bà Nguyễn Hải Hà</i>		
Nhận tiền vay	140.000.000	140.000.000
Hoàn trả khoản vay	-	130.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	-	4.926.530
<i>Bà Hoàng Thị Tuệ</i>		
Nhận tiền vay	-	110.000.000
Hoàn trả khoản vay	-	220.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	-	1.440.739
<i>Ông Đoàn Anh Đức</i>		
Nhận tiền vay	80.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	30.000.000	-
Chi phí lãi vay đã trả	1.615.562	713.919
<i>Bà Trần Thị Châm</i>		
Nhận tiền vay	30.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	190.000.000	-
Chi phí lãi vay đã trả	10.263.452	-



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	60.000.000	42.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Bình – Thành viên (từ ngày 22/4/2026)	16.000.000	-
Ông Phạm Xuân Trinh – Thành viên (đến ngày 22/4/2026)	32.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên (đến ngày 22/4/2026)	32.000.000	30.000.000
<i>Ban Giám đốc</i>		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	259.483.492	244.468.332
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	208.609.387	196.603.705
Ông Phạm Ngọc Kỳ – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2026)	196.578.219	149.665.309
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	185.160.246	174.092.601
Bà Trần Thị Thùy Linh - Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)	144.668.870	-
Bà Trần Thu Huyền - Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)	87.160.347	-
Ông Vũ Ngọc Tú – Giám đốc Vận hành	184.954.000	-
<i>Ban Kiểm soát</i>		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban	48.000.000	30.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên	30.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Huê – Thành viên	10.000.000	-
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên (đến ngày 22/4/2026)	20.000.000	18.000.000

1120
ÔNG
TNH
PM
PHỔ

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi nhập gốc	-	123.728.019

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với số liệu trình bày trong báo cáo tình hình tài chính riêng và các thuyết minh liên quan; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố chính sách kế toán đối với các giao dịch bằng ngoại tệ, tài khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài khoản các khoản phải thu, và tài khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận. Do vậy, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Mã số	1/1/2026 (Phân loại lại) VND	1/1/2026 (Theo báo cáo trước đây) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	21.457.766.569	20.985.728.457
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	4.758.688.199	5.030.726.311
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	1.477.905.250	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	1.687.187.698	3.165.092.948

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Tình
Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hường
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

